

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03/4/2024

V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

\* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Ngọc Giàu

\* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Phạm Thị Cẩm Hà

\* Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện A, tỉnh K: Ông Trần Văn Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thiều Kim A**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu phố K, thị trấn T, huyện A, tỉnh K.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Ái D**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu phố K, thị trấn T, huyện A, tỉnh K.

(Chị A; anh D có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Thiều Kim A** trình bày:

Vào năm 2003, chị có chung sống với anh Nguyễn Ái D (không có đăng ký kết hôn). Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hòa hợp nhau về quan điểm sống nên thường xảy ra cự cãi, anh D sống bảo thủ không có trách nhiệm gì với vợ con, nhiều lần anh bỏ nhà đi rồi tự quay về, chị hỏi tới thì vợ chồng cự cãi. Mọi việc trong ngoài kể cả con cái anh D đều đùn đẩy hết cho chị, không quan tâm chia sẻ. Tuy vậy chị vẫn cố gắng nhẫn nhịn chịu đựng trong thời gian dài nhưng qua nhiều lần hàn gắn không kết quả, mâu thuẫn ngày càng phát sinh nhiều thêm. Năm 2022 chị có làm đơn xin ly hôn với anh D, sau đó anh hứa sửa đổi chị có cho anh cơ hội một lần nữa vì vậy Tòa án ra quyết định đình chỉ số 08/2023 ngày 28/4/2023. Từ đó đến nay anh vẫn chứng nào tật nấy nên nay chị xác định yêu cầu xin ly hôn.

Về con chung có 04 con chung là Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 06/01/2005; Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 17/10/2006; Nguyễn Quốc H, sinh ngày 19/5/2010; Nguyễn Quốc Huy E, sinh ngày 12/5/2014. Hiện cháu T đã có gia đình; Cháu Q, H, Huy E đang ở với gia đình. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 17/10/2006; Nguyễn Quốc H, sinh ngày 19/5/2010; Nguyễn Quốc Huy E, sinh ngày 12/5/2014, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 06/01/2005 đã có gia đình, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Theo biên bản ghi lời khai ngày 26 tháng 02 năm 2024 và các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Ái D có ý kiến trình bày:**

Do quen biết anh và chị Kim A tiến tới hôn nhân vào năm 2003, có làm đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống không hợp nhau về cách sống nên vợ chồng thường cự cãi. Nay chị Kim A yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý.

Về con chung có 04 con chung là Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 06/01/2005; Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 17/10/2006; Nguyễn Quốc H, sinh

ngày 19/5/2010; Nguyễn Quốc Huy E, sinh ngày 12/5/2014. Hiện cháu T đã có gia đình; Cháu Q, H, Huy E đang ở với gia đình. Khi ly hôn anh đồng ý giao Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 17/10/2006; Nguyễn Quốc H, sinh ngày 19/5/2010; Nguyễn Quốc Huy E, sinh ngày 12/5/2014 cho chị Kim A nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 06/01/2005 đã có gia đình, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị Kim A, anh D: Có đơn xin yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thiều Kim A và anh Nguyễn Ái D xác định xác lập quan hệ vợ chồng năm 2003, nhưng không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Thiều Kim A và anh Nguyễn Ái D là vợ chồng. Chị Thiều Kim A và anh Nguyễn Ái D xác định có 04 con chung là Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 06/01/2005; Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 17/10/2006; Nguyễn Quốc H, sinh ngày 19/5/2010; Nguyễn Quốc Huy E, sinh ngày 12/5/2014. Chị Kim A và anh D thống nhất thỏa thuận khi ly hôn, tiếp tục giao con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 17/10/2006; Nguyễn Quốc H, sinh ngày 19/5/2010; Nguyễn Quốc Huy E, sinh ngày 12/5/2014 cho chị Kim A nuôi dưỡng, anh D không cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận sự thỏa thuận của anh, chị. Riêng cháu Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 06/01/2005 đã có gia đình, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Kim A và anh D xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Thiều Kim A và bị đơn anh Nguyễn Ái D có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh, chị trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Thiều Kim A và anh Nguyễn Ái D thống nhất trình bày hai anh, chị tiến đến hôn nhân vào năm 2003, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cự cãi từ đó làm phát sinh mâu thuẫn. Nhận thấy cuộc hôn nhân anh, chị không tháo gỡ được nên chị Kim A yêu cầu xin ly hôn.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên và kết quả của việc xác minh thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của chị Kim A và anh D đã thật sự trầm trọng; năm 2023 chị Kim A đã nộp đơn ly hôn với anh D, anh chị đã hàn gắn đoàn tụ nhưng vẫn không thể khắc phục mâu thuẫn hôn nhân. Nay lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, chị Kim A yêu cầu ly hôn với anh D, thì anh D cũng đồng ý. Do anh, chị có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng không đi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký theo quy định. Nay có tranh chấp xin ly hôn nên trường hợp này pháp luật quy định chị Kim A và anh D không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Thiều Kim A và anh Nguyễn Ái D xác định có 04 con chung là Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 06/01/2005; Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 17/10/2006; Nguyễn Quốc H, sinh ngày 19/5/2010; Nguyễn Quốc Huy E, sinh ngày 12/5/2014. Chị Kim A và anh D thống nhất thỏa thuận khi ly hôn, tiếp tục giao 03 con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 17/10/2006; Nguyễn Quốc H, sinh ngày 19/5/2010; Nguyễn Quốc Huy E, sinh ngày 12/5/2014 cho chị Kim A nuôi dưỡng, anh D không cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Nguyễn Thị

Cẩm T, sinh ngày 06/01/2005 đã có gia đình, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Kim A và anh D thỏa thuận tiếp tục giao 03 con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 17/10/2006; Nguyễn Quốc H, sinh ngày 19/5/2010; Nguyễn Quốc Huy E, sinh ngày 12/5/2014 cho chị Kim A nuôi dưỡng là ý chí tự nguyện của anh, chị. Đồng thời 03 con chung cũng có ý kiến được sống chung với chị Kim A nên Hội đồng xét xử ghi nhận tiếp tục giao 03 chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 17/10/2006; Nguyễn Quốc H, sinh ngày 19/5/2010; Nguyễn Quốc Huy E, sinh ngày 12/5/2014 cho chị Kim A nuôi dưỡng. Riêng cháu Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 06/01/2005 đã có gia đình, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

- Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Kim A không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Kim A và anh D xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Thiều Kim A và anh Nguyễn Ái D là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Kim A và anh D tiếp tục giao 03 chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 17/10/2006; Nguyễn Quốc H, sinh ngày 19/5/2010; Nguyễn Quốc Huy E, sinh ngày 12/5/2014 cho chị Kim A nuôi dưỡng. Riêng cháu Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 06/01/2005 đã có gia đình, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

- Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Kim A không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Kim A và anh D xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Thiều Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Kim A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005116 ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A nên được căn trừ xem như chị Kim A đã thi hành xong phần án phí.

5. Chị Thiều Kim A, anh Nguyễn Ái D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh K;
- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND nơi ĐKKH (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU**





